

Số: /BC-SGDĐT

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về việc rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau sắp xếp đơn vị hành chính, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo tổng kết việc thi hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh liên quan đến dự thảo

- Ngày 12/9/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) ban hành Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND; Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 97/2024/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung, quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021–2030” trên địa bàn mỗi tỉnh. Các Nghị quyết này là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai Đề án tại từng địa phương trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

- Trên cơ sở triển khai các Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum đã được sáp nhập thành tỉnh Quảng Ngãi; đồng thời thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Sau sáp nhập, tỉnh Quảng Ngãi có 96 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 09 phường, 86 xã và 01 đặc khu).

- Trong bối cảnh đó, các quy định về nội dung và mức chi tại các Nghị quyết của hai tỉnh (cũ) bộc lộ sự chưa đồng nhất, chưa còn phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu quản lý sau sáp nhập.

Do đó, việc tổng kết việc thi hành các Nghị quyết nêu trên và xây dựng Nghị quyết mới áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh là cần thiết. Để tiếp tục triển khai thực hiện nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định, phù hợp với thực tiễn của địa phương và đạt chất lượng, hiệu quả tốt nhất; UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai xây dựng hồ sơ, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét

ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

- Thực hiện Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 12/02/2026), Sở Giáo dục và Đào tạo được giao tham mưu xây dựng Nghị quyết thay thế các Nghị quyết hiện hành. Trên cơ sở đó, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức tổng kết, đánh giá việc thi hành và xây dựng dự thảo Nghị quyết mới.

- Căn cứ quy định nêu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện tổng kết và xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

- Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”; UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ), UBND tỉnh Kon Tum (cũ) đã chủ động triển khai thực hiện, tập trung ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 1373; thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT giai đoạn 2021–2030 tại địa phương; phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời trình HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh để thực hiện các nội dung và mức chi trên địa bàn mỗi tỉnh.

- Sau khi các Nghị quyết được ban hành, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ), UBND tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai các kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Đề án của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh trong các đơn vị. Tổ chức các hội nghị, xây dựng XHHT, ký kết chương trình phối hợp hành động thực hiện Đề án và tổ chức nhiều hoạt động thiết thực triển khai thực hiện kế hoạch. Triển khai Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hằng năm và văn bản đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh theo Thông tư số 24, Thông tư số 25 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Kế hoạch triển khai Phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn. Nhiều cơ quan, chi bộ đưa nội dung “Học tập suốt đời”, triển khai thực hiện Phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030” vào sinh hoạt thường kỳ; số đơn vị tổ chức “Ngày học tập suốt đời” tăng lên trong các cuộc họp, sinh hoạt.

- Sở GDĐT phối hợp các sở, ngành, tổ chức xã hội của tỉnh đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh;

phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường quản lý, chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xóa mù chữ; tổ chức đánh giá, xếp loại “Đơn vị học tập”, “Cộng đồng học tập” theo quy định của Bộ GDĐT; chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tăng cường phối hợp với địa phương tổ chức bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chủ động phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh phát động các phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; tham mưu UBND tỉnh tổ chức các cuộc thi, hoạt động chuyên đề về khuyến học, khuyến tài và xây dựng XHHT; xây dựng kế hoạch truyền thông về Đề án 1373 nhằm tuyên truyền sâu rộng tới các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

2. Đánh giá việc thi hành Nghị quyết

2.1. Kết quả đạt được

- Kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (tính đến tháng 12/2025):

+ Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học: Có 03/96 đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, tỉ lệ 3,13%; 93/96 đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, tỉ lệ 96,87%.

+ Thực hiện phổ cập giáo dục trung học: Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (đối với kiểm tra cấp tỉnh): Mức độ 1: Số lượng 01/96, tỉ lệ: 1,04 %; Mức độ 2: Số lượng 47/96, tỉ lệ: 48,96 %; Mức độ 3: Số lượng 48/96, tỉ lệ: 50 %.

+Thực hiện công tác xóa mù chữ: Tỷ lệ số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 99,16%; mức độ 2: 97,04%;

+ Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, mạng lưới trường, lớp cấp Tiểu học: cơ bản đảm bảo thực hiện công tác PCGDTH, phục vụ cho việc học tập của học sinh.

+ Mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện PCGD THCS có điều kiện giao thông đi lại cơ bản thuận lợi.

+ Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cấp tiểu học có 8.618 số giáo viên (đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên: 8092/8618 người, tỉ lệ: 93,89%; đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 8618/8618, tỉ lệ 100%; Tỉ lệ giáo viên/lớp: 1,46). 96/96 xã, phường, đặc khu đều có giáo viên phụ trách công tác PCGD-XMC.

+ Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cấp Trung học cơ sở có 6.968 giáo viên; trong đó 6.712 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo (96,33%); 6.826 giáo viên thuộc diện đánh giá chuẩn nghề nghiệp, đạt 100%; 142 giáo viên không thuộc diện đánh giá; Tỉ lệ giáo viên/lớp: 1,97, hiện tại thừa thiếu cục bộ giữa các địa phương. 96/96 xã, phường, đặc khu đều có giáo viên phụ trách công tác PCGD-XMC.

Tỉnh Quảng Ngãi đủ điều kiện đạt chuẩn về phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, đạt chuẩn xóa mù

chữ mức độ 1 tại thời điểm tháng 12 năm 2025.

- Trong 03 năm (2023, 2024, 2025): Cả 02 tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum đã tổ chức 255 lớp (*bình quân 85 lớp/năm*), với khoảng 6.398 người học (*bình quân 2.130 người/năm, khoảng 25 học viên/lớp*), Ngân sách địa phương chi khoảng 4 tỷ (*ước bình quân khoảng 16 triệu/lớp học/năm; 1,36 tỷ/năm*).

- Các trung tâm học tập cộng đồng đã chủ động điều tra đối tượng mù chữ và nhu cầu học tập của người dân để lên kế hoạch mở các lớp học theo nhu cầu, phù hợp với thời gian và điều kiện kinh tế của đa số người dân; thông báo về nội dung, địa điểm, thời gian học kịp thời đến người dân trong các tổ dân phố, các thôn, xóm, các cơ quan đơn vị trên địa bàn bằng các hình thức: gửi giấy mời, thông báo qua đài truyền thanh của xã, phường, đặc khu; duy trì, phát huy tốt các mô hình xây dựng “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”; đã phối hợp với các đơn vị trường học trên địa bàn xây dựng kế hoạch và tổ chức “Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời” với hình thức, nội dung phù hợp; chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, bàn ghế, thiết bị dạy học kịp thời mở các lớp học XMC cho người dân.

- Về năng lực cơ bản và trình độ người dân: Có 747.326 người được trang bị năng lực thông tin/1.071.695 người trong độ tuổi lao động, đạt tỷ lệ 69,7%; Có 750.453 người được trang bị kỹ năng sống/ 1.071.695 người trong độ tuổi lao động, đạt tỷ lệ 70%; Có 430.128 người dân được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật/ 864.914 dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật, đạt tỷ lệ 49% và có 185.421 số người có trình độ đại học/ 864.914 dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật, đạt tỷ lệ 21%.

- Về hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Có 01 Trường Đại học do UBND tỉnh quản lý (Trường Đại học Phạm Văn Đồng), Trường Đại học Tài chính - Kế toán (trực thuộc Bộ Tài chính), 02 Phân hiệu Đại học (Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh - Phân hiệu tại Quảng Ngãi, Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum): Đã triển khai đại học số và xây dựng học liệu số, đạt tỷ lệ 100%.

- Phát triển mô hình học tập: có 63 mô hình “Đơn vị học tập”, 24 “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập cấp xã”; 50 đơn vị đạt “đơn vị học tập” cấp tỉnh năm 2024; 34 đơn vị đạt “đơn vị học tập” cấp tỉnh năm 2025.

+ Xây dựng các mô hình học tập trong xã hội: Có 243.578 công dân đạt danh hiệu "Công dân học tập" theo tiêu chí do cơ quan thẩm quyền ban hành.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số trong học tập: có 98% trường học ứng dụng CNTT, nền tảng số để quản lý, chia sẻ học liệu; 70% đơn vị hội khuyến học các cấp đã lập kho dữ liệu học tập mở, học tập suốt đời, phục vụ người dân.

- Tổ chức Lễ hưởng ứng "Tuần lễ học tập suốt đời": Hằng năm, mỗi tỉnh đều Tổ chức Lễ hưởng ứng "Tuần lễ học tập suốt đời" thu hút hàng ngàn đại biểu, học sinh tham gia.

2.2. Ưu điểm

- Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã tổ chức quán triệt các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) như: Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non (GDMN) cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả PCGD tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng cho học sinh sau trung học cơ sở và XMC cho người lớn; Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về PCGD, XMC; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GDĐT; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GDĐT; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC; Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông; Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin điện tử PCGD, XMC.

- Trên cơ sở Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 1324/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025; các đơn vị xã, phường, đặc khu đã xây dựng Kế hoạch của địa phương nhằm duy trì và nâng cao chất lượng PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi, nâng cao chất lượng và mức độ PCGD tiểu học và PCGD trung học cơ sở, duy trì và nâng cao chất lượng XMC và giảm tỉ lệ tái mù chữ ở người lớn.

- Ban Chỉ đạo các cấp đã xây dựng Quy chế làm việc, phân công trách nhiệm đối với các thành viên trong Ban Chỉ đạo; chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện công tác PCGD, XMC ở địa phương. Các địa phương thực hiện tốt việc quản lý và lưu trữ hồ sơ PCGD, XMC; coi trọng công tác điều tra cơ bản, rà soát đánh giá kết quả PCGD, XMC.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các địa phương có các giải pháp tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục; tích cực huy động các đối tượng diện PCGD ra lớp; nắm tình hình, nguyên nhân học sinh bỏ học và có giải pháp khắc phục tình trạng này; tuyên truyền, vận động học sinh đến trường để duy trì sĩ số học sinh; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD mầm non, PCGD tiểu học, PCGD trung học cơ sở và XMC.

2.3. Bất cập, hạn chế; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoạt động chưa ổn định, gây khó khăn cho địa phương trong việc cập nhật dữ liệu, quản lý cơ sở dữ liệu và tổ chức kiểm tra, công nhận kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại các địa phương sau hợp nhất tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp có nhiều biến động; việc bố trí, phân công nhiệm vụ ở một số nơi chưa ổn định, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng triển khai nhiệm vụ.

- Địa bàn tỉnh sau hợp nhất có phạm vi rộng, các đơn vị hành chính cấp xã phân tán; điều kiện giao thông tại một số khu vực còn khó khăn, thời tiết diễn biến phức tạp, dẫn đến việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, khảo sát thực tế tại cơ sở gặp nhiều trở ngại, tốn nhiều thời gian và nguồn lực.

- Về nội dung và mức chi: Một số nội dung chi và mức chi quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) chưa đồng nhất, chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn sau sáp nhập tỉnh; việc áp dụng còn lúng túng, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh. Một số mức chi hỗ trợ cho người học xóa mù chữ, tổ chức các hoạt động học tập suốt đời, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ... còn thấp, chưa tạo động lực khuyến khích người dân tham gia học tập, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Việc tồn tại nhiều mức chi khác nhau giữa hai địa phương trước khi sáp nhập cũng gây khó khăn trong công tác lập dự toán, phân bổ và thanh quyết toán kinh phí, ảnh hưởng đến tính thống nhất và hiệu quả quản lý nhà nước trong triển khai Đề án.

- Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn

+ Quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và chuyển sang mô hình chính quyền địa phương 02 cấp làm thay đổi phạm vi quản lý, tổ chức bộ máy và điều kiện triển khai nhiệm vụ tại địa phương.

+ Các Nghị quyết được ban hành tại các thời điểm khác nhau, áp dụng cho từng địa phương riêng biệt trước khi sáp nhập, nên chưa có sự điều chỉnh, cập nhật kịp thời để bảo đảm tính thống nhất.

+ Một số quy định về mức chi chưa được điều chỉnh phù hợp với biến động giá cả, điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu thực tiễn triển khai Đề án trong giai đoạn hiện nay.

3. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn: Việc chưa có Nghị quyết thống nhất sau sáp nhập tỉnh ảnh hưởng đến tính đồng bộ trong triển khai, phân bổ kinh phí và tổ chức thực hiện Đề án.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên

địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo phù hợp chủ trương của Trung ương, Chính phủ và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở GDĐT (*báo cáo*);
- Các Phó Giám đốc Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP, GDTXHSSV_{HNT}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trọng Thắng